

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2019
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Quang Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nhi
2. Bà Lê Thị Yến

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Anh Tuấn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; Địa chỉ: thôn 8 xã H, TP M, Quảng Ninh. Vắng mặt.(có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Thành T; Địa chỉ: tổ 5 khu 6 thị trấn T, huyện H tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt. (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Thành T đăng ký kết hôn ngày 01/9/2015 tại UBND thị trấn T trên cơ sở tự nguyện, mục đích để xây dựng gia đình no ấm hạnh phúc. Theo lời khai của chị H thì sau khi kết hôn hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau. Vì vậy chị H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết cho chị ly hôn với anh T. Tại bản tự khai và đơn đề nghị đề ngày 28/01/2019, anh T cũng thừa nhận có đăng ký kết hôn với chị H ngày 01/9/2015. Quan điểm của anh cũng nhất trí ly hôn chị H. Vì anh đang thi hành án ở Trại giam Q nên anh đề nghị không hòa giải và xét xử vắng mặt anh.

Về con chung, chị H với anh T có một người con chung tên là Vũ Bảo A sinh ngày 15/7/2015. Quan điểm của chị H là được trực tiếp nuôi con sau ly hôn, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quan điểm của anh T cũng đồng ý với quan điểm của chị H.

Về tài sản chung. Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Vũ Thành T do điều kiện đang thi hành án ở Trại giam Q và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vì vậy căn cứ điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án không tổ chức hòa giải giữa các bên đương sự.

Cả anh T và chị H đều có đơn đề nghị và xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ điểm a; b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T, chị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn. Mục đích là để xây dựng một gia đình no ấm hạnh phúc. Nhưng theo lời khai của chị H và anh T thì sau khi kết hôn hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ năm 2016. Nay anh chị đều nhất trí ly hôn. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, giải quyết cho chị H ly hôn anh T.

[3] Về con chung: chị H với anh T có một người con chung tên là Vũ Bảo A sinh ngày 15/7/2015. Xét thấy, chị H có điều kiện nuôi con hơn anh T, đồng thời anh T cũng nhất trí giao con cho chị H trực tiếp nuôi con sau ly hôn, nên căn cứ điều 81 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án sẽ giao người con chung cho chị H trực tiếp nuôi. Do chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Tòa án không buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên căn cứ khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Vũ Thành T.

- Giao người con chung tên là Vũ Bảo A sinh ngày 15/7/2015 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị H nộp theo biên lai thu số 0003469 ngày 21/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. (Chị Huệ đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án là năm năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Cường